

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/02/2022.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hùng Vương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2/ Ông Lê Văn Rôi.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có:* Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Đỗ T T T, sinh năm: 1990. (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: 36/1G tổ 5, ấp C 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: sau nhà 84/14A, tổ 1, ấp BD 2, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn K G, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Thường trú: ấp B L, xã TB, huyện CT, tỉnh TN.

Địa chỉ: sau nhà 84/14A, tổ 1, ấp BD 2, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 10/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ T T T trình bày:

Bà và ông Nguyễn K G tìm hiểu nhau thời gian khoảng hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2016, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2015. Sau khi cưới hai vợ chồng sống ở nhà mẹ vợ tại tổ 1, ấp BD 2, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về công việc, ông G không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ, không lo cho vợ, không chăm sóc vợ, mạnh ai người nấy sống và hai vợ chồng đã ly thân gần 01 năm. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn K G.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông G; Con chung: không có; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã TPT, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện; Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà T và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ T T T và ông Nguyễn K G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyền số 01/2015, ngày 14/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông Ghi là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông G là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về công việc, ông G không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ, không lo cho vợ, không chăm sóc vợ, mạnh ai người nấy sống và hai vợ chồng đã không sống chung gần 01 năm. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông G không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy

định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ T T T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ T T T được ly hôn với ông Nguyễn K G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2015, ngày 14/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông G không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Đỗ T T T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0043240 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hùng Vương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**